

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 29/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D – TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường; bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Q) - Sinh năm: 1996; tại Bình Định.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn T, xã TT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 0/12 - Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Cha: Nguyễn Thái K - Sinh năm 1971; mẹ không rõ ở đâu; hiện cha trú tại: Thôn T, xã TT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Bị cáo: không có anh chị em.

Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: không.

Tiền án: 01 lần; Bản án số 168/2015/HSST ngày 10/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định xét xử, tuyên phạt 12 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; ngày 11/9/2016, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2018, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố D.

- *Người Bị hại:*

Chị Nguyễn Thị TV – sinh năm: 1980. (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số nhà 211 SVH, phường HT, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn Q.(vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: 302 đường HV, phường HT, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/12/2018, Nguyễn Văn B đi bộ trên đường SVH, phường HT, thành phố D, tỉnh Gia Lai, với mục đích tìm nhà ai sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà của chị Nguyễn Thị TV (Sinh năm 1992, ở số 221 đường SVH, Tổ 4, phường HT, thành phố D) thấy cửa mở bên trong không có người nên B đi vào. Khi vào phòng khách, thấy chiếc điện thoại Iphone 7 của chị TV đang sạc pin để trên kệ tường sát chân cầu thang, B đã lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần rồi tẩu thoát. Sau đó, B đem chiếc điện thoại trên đến tiệm điện thoại di động HT ở số 302 đường HV, Tổ 01, phường HT, thành phố D, bán cho anh Nguyễn Văn Q (Sinh năm 1987 - là chủ tiệm) được 1.500.000 đồng. Số tiền này, B đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 03/12/2018, chị TV đến Công an phường HT trình báo vụ việc trên. Ngày 07/12/2018, B tiếp tục đi dạo trên đường SVH, phường HT, với mục đích tìm ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp thì bị lực lượng Công an phường HT mời về trụ sở làm việc.

Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố D đã kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 có trị giá theo giá thị trường là 4.500.000 đồng. Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị TV.

Tại bản cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 28/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Áp dụng: Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07/12/2018.

Đối với Nguyễn Văn Q là người đã mua chiếc điện thoại của Nguyễn Văn B. Nhưng khi mua, anh Q không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo phải bồi thường cho anh Q 1.500.000 đồng,

Bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Nguyễn Văn Cuội phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/12/2018, tại số nhà 221 đường SVH, Tổ 4, phường HT, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, bị cáo đã lén lút vào nhà chị TV trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 7 có giá trị 4.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị TV. Đến ngày 07/12/2018, B ra đầu thú.

Người bị hại chị Nguyễn Thị TV khai vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 02/12/2018 chị TV bị kẻ gian vào nhà lấy trộm 01 chiếc điện thoại Iphone 7 có giá trị 4.500.000 đồng. Hiện chị đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường về phần dân sự, về hình phạt giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn B thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, không đề phòng, cảnh giác nên bị cáo đã lén lút

đột nhập vào nhà để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ.

Bị cáo đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, tại Bản án số 168/2015/HSST ngày 10/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định xét xử, tuyên phạt 12 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hiện bị cáo chưa chấp hành xong án phí hình sự, án phí dân sự và việc bồi thường dân sự. Nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đó là “*Tái phạm*” quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng có phần xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm cho bị cáo.

3. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn Q là người đã mua chiếc điện thoại của Nguyễn Văn B. Nhưng khi mua, anh Q không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh Q 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Q.

Bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điều 38, Điều 50, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 29/3/2019) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký
Trần Thị Tố Uyên